

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin thanh khoản của hệ thống tổ chức tín dụng thông suốt, dồi dào

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng điểm theo diễn biến tích cực của thị trường thế giới

[Thông tin doanh nghiệp]

HPG, HBC

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tập trung vào việc quản lý tỷ trọng ở mức vừa phải và ưu tiên cho các vị thế ngắn hạn. Việc giảm 1 phần tỷ trọng có thể được cân nhắc trong trường hợp chỉ số tiếp tục đi lên nhưng thanh khoản sụt giảm

22/06/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,379.97	+0.53
VN30	1,489.24	+0.74
HĐTL VN30F1M	1,490.40	+1.11
HNXIndex	317.09	+0.27
HNX30	502.09	-0.03
UPCoM	90.10	+0.43
USD/VND	23,017	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.18	-1
Lãi suất qua đêm (%)	1.03	+8
Dầu (WTI, \$)	73.11	-0.75
Vàng (LME, \$)	1,779.72	-0.20



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,379.97 (+0.53%)
KLGD (triệu CP) 746.9 (+3.4%)
GTGD (triệu U\$) 972.9 (-1.2%)

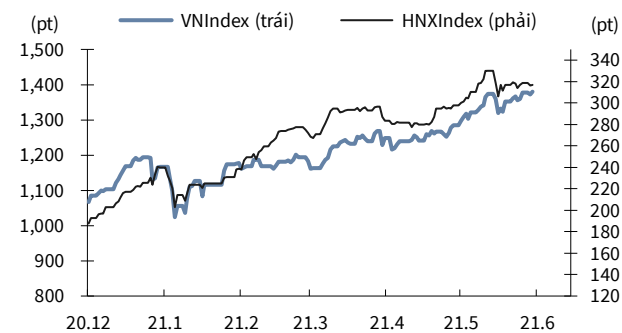
HNXIndex 317.09 (+0.27%)
KLGD (triệu CP) 163.5 (+13.6%)
GTGD (triệu U\$) 127.7 (-1.4%)

UPCoM 90.10 (+0.43%)
KLGD (triệu CP) 86.8 (+5.9%)
GTGD (triệu U\$) 62.7 (-4.4%)

NĐTNN mua ròng (triệu U\$) -21.5

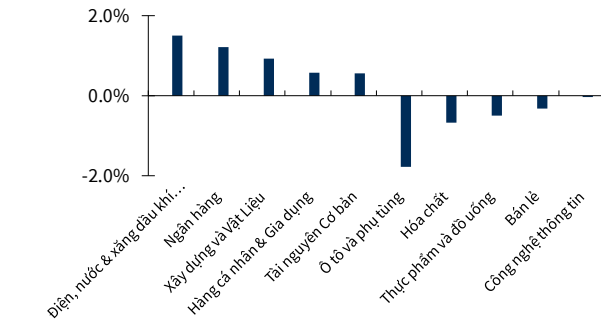
TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin thanh khoản của hệ thống tổ chức tín dụng thông suốt, dồi dào, NHNN sẽ tiếp tục duy trì mức lãi suất hiện tại và khuyến khích các tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay hỗ trợ nền kinh tế. Theo đại diện NHNN, tính đến ngày 15/6 tín dụng toàn ngành kinh tế tăng 5.1% so với cuối năm 2020 và gấp đôi mức tăng cùng kỳ 2020 tác động tín hiệu tích cực đối với giá cổ phiếu ngân hàng ở MBB (+3.3%), CTG (+3.2%), ACB (+2.6%). Giá thép nội địa giảm cùng việc Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia Trung Quốc cho biết sẽ điều tra các hoạt động đầu cơ trên thị trường quặng sắt khiến cổ phiếu ngành thép giảm giá ở NKG (-2.6%), HSG (-0.9%). Hiệp hội Lương thực Việt Nam cho biết, nhiều doanh nghiệp nhập khẩu gạo từ Philippines là đối tác của các doanh nghiệp Việt Nam đang có xu hướng chuyển sang mua gạo Ấn Độ do mức giá hấp dẫn hơn khiến cổ phiếu ngành gạo giảm giá LTG (-4.9%), TAR (-1.1%). Khối ngoại mua ròng ở HPG (+1.0%), FUEVFVND (+0.2%), VCB (+0.9%).

VNIndex & HNXIndex



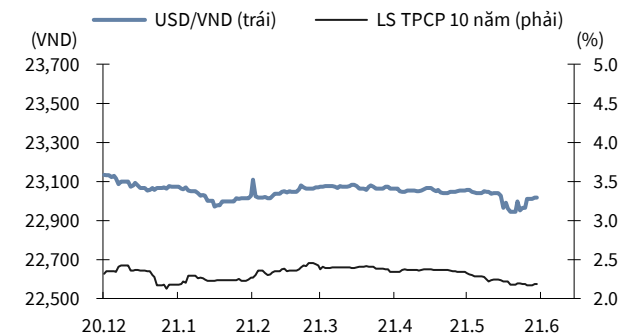
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

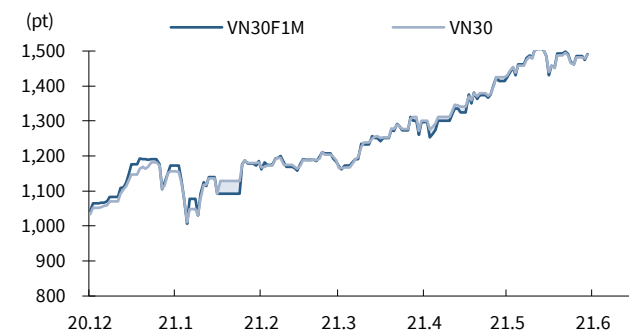
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30 1,489.24 (+0.74%)
VN30F1M 1,490.4 (+1.11%)
Mở cửa 1,484.8
Cao nhất 1,500.9
Thấp nhất 1,483.2

KLGD (HĐ) 150,965 (-24.9%)

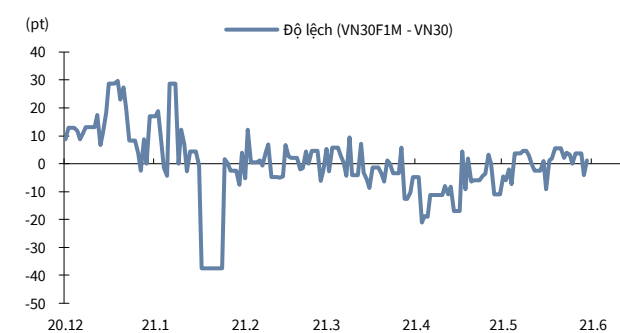
HĐTL tăng điểm theo diễn biến tích cực của thị trường thế giới. Chênh lệch F2107 và VN30 mở cửa ở mức 5.3 và giao động trong biên độ 0 đến 3.7, đóng cửa ở mức 1.16. NĐTNN mua ròng mạnh trong phiên hôm nay.

HĐTL VN30F1M & VN30



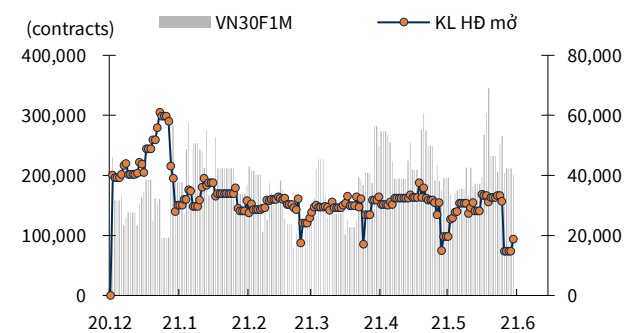
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



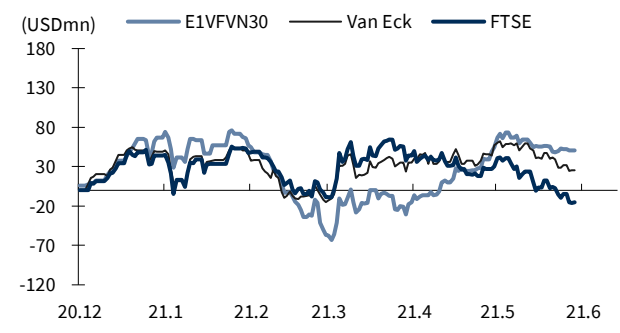
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

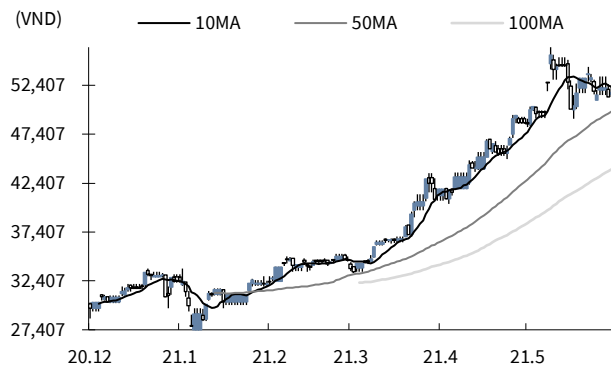
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

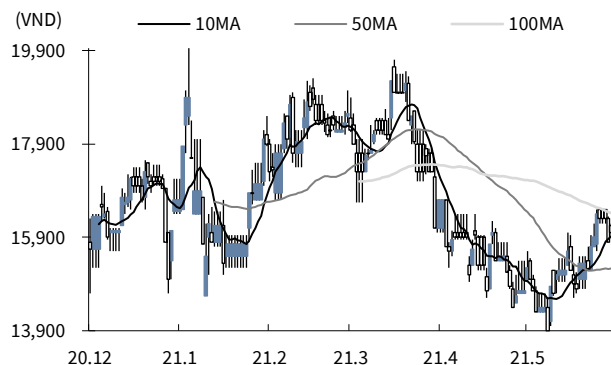
Hoà Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 1% lên 51,700 VNĐ/cp.
- Hòa Phát thông qua việc tăng vốn tại công ty con - CTCP Sản phẩm thép Hòa Phát từ 3,500 tỷ đồng lên 5,500 tỷ đồng trước ngày 11/7, nâng tỷ lệ sở hữu của Hòa Phát sau khi tăng vốn là 99.994%. Theo đó, Hòa Phát đã hoàn thành việc thành lập 4 tổng công ty trực thuộc Tập đoàn để phụ trách từng lĩnh vực hoạt động chính với vốn điều lệ 49,600 tỷ đồng.

Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (HBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HBC tăng 1.3% lên 16,000 VNĐ/cp.
- Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021 với lợi nhuận 235 tỷ đồng (+181% YoY) và doanh thu 13,500 tỷ đồng (+20% YoY), và dự kiến thu về 500-800 tỷ đồng từ hoạt động thoái vốn.
- Ban lãnh đạo cho biết, tính đến tháng 6 Xây dựng Hòa Bình đã đạt giá trị trúng thầu 9,408 tỷ đồng, tương ứng 67% kế hoạch cả năm.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

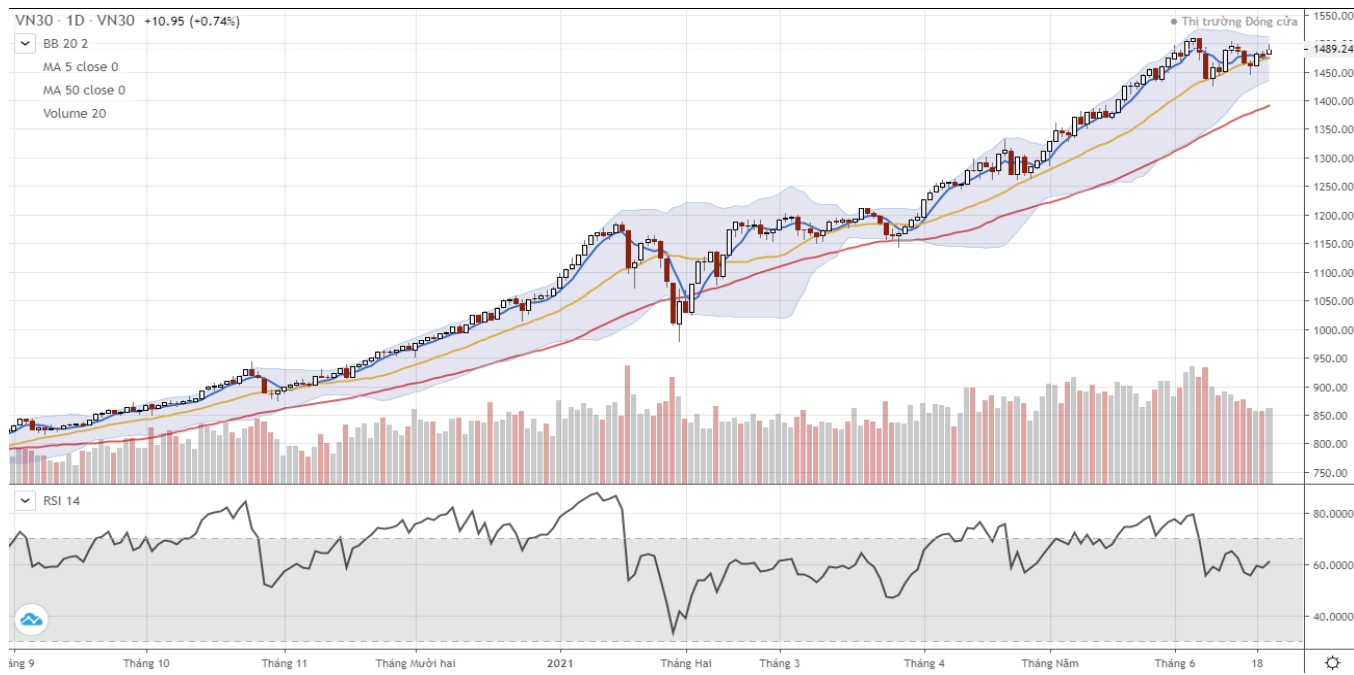
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm ngay từ thời điểm mở cửa nhưng diễn biến khá giằng co trong phiên.
- Chỉ số vẫn đang đối mặt với áp lực rung lắc tại vùng đỉnh lịch sử với cơ hội mở rộng đà tăng, hướng tới vùng đích kì vọng tại 140x vẫn hiện hữu. Mặc dù vậy, rủi ro điều chỉnh sẽ gia tăng nếu thanh khoản suy giảm dần trong khi chỉ số tạo đỉnh mới.
- NĐT được khuyến nghị tập trung vào việc quản lý tỷ trọng ở mức vừa phải và ưu tiên cho các vị thế ngắn hạn. Việc giảm 1 phần tỷ trọng có thể được cân nhắc trong trường hợp chỉ số tiếp tục đi lên nhưng thanh khoản sụt giảm.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1506-1511

Kháng cự gần: 1495-1497

Hỗ trợ gần: 1480-1485

Hỗ trợ xa: 1470-1475

- F1 mở gap tăng điểm và diễn biến tích cực trước khi gặp áp lực bán vào cuối phiên.
- Xu hướng ngắn hạn tiếp tục diễn biến đi ngang trung tính theo mẫu hình tam giác hướng lên. Tuy nhiên, khi xu hướng tăng chủ đạo đang được duy trì, cơ hội tiếp tục hồi phục vẫn được bỏ ngỏ.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG tại các vùng hỗ trợ và chốt lời ngắn khi chạm vượt đỉnh.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Giữ vị thế còn lại và tuân thủ điểm Stop.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

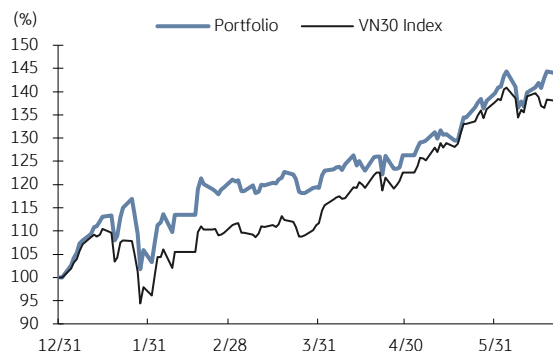
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.74%	1.12%
Tăng lũy kế (YTD)	39.08%	45.63%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 22/06/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	146,000	0.1%	26.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	39,400	-0.9%	61.1%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	98,500	0.4%	28.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	42,000	3.3%	147.2%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	57,600	-1.0%	69.4%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	85,400	-0.2%	193.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	51,900	3.2%	112.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	94,900	2.0%	29.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	51,700	1.0%	257.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	39,000	3.3%	184.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	1.0%	36.1%	120.9
FUEVFNDD	0.2%	99.0%	94.0
VCB	0.9%	23.4%	71.8
HDB	2.1%	17.3%	44.6
GAS	2.0%	2.5%	39.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VPB	-0.8%	15.5%	-94.9
BCG	-0.4%	7.8%	-76.5
VRE	-0.9%	30.7%	-45.6
GEX	0.2%	10.2%	-39.5
TCD	-2.1%	2.9%	-32.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CPC	-3.7%	6.6%	0.3
SCI	3.5%	0.4%	0.1
SGD	-9.7%	1.4%	0.1
PLC	-1.4%	2.4%	0.1
DTD	-0.3%	0.1%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVI	0.0%	54.9%	-561.8
PAN	0.4%	35.4%	-14.3
THD	0.3%	0.7%	-7.6
PVS	0.3%	8.0%	-4.6
VCS	-0.6%	4.0%	-3.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	6.8%	PLX, PVD
Hóa chất	6.3%	GVR, AAA
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5.7%	GAS, POW
Xây dựng và Vật Liệu	4.3%	VCG, VGC
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.9%	TCM, PNJ

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-2.1%	HPG, SHI
Bảo hiểm	-1.8%	BVH, BIC
Dịch vụ tài chính	-1.5%	SSI, VND
Du lịch và Giải trí	-1.1%	VJC, HVN
Bất động sản	-0.5%	VIC, VHM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	22.0%	SSI, VCI
Hóa chất	20.9%	GVR, DGC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.5%	GAS, POW
Bảo hiểm	10.0%	BVH, BMI
Công nghệ thông tin	5.6%	FPT, SAM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-2.5%	ADG, PNC
Bán lẻ	-1.0%	DGW, ABS
Ô tô và phụ tùng	-0.7%	SVC, TCH
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.9%	PNJ, RAL
Thực phẩm và đồ uống	2.5%	VNM, SAB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	261,515 (11.4)	22.5	84.8	53.5	14.7	7.7	9.0	4.3	3.9	0.1	-3.5	-4.1	8.6
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	459,196 (20.0)	26.6	12.0	11.0	35.9	31.2	26.8	3.2	2.6	-0.4	-1.0	7.3	24.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	198,640 (8.6)	17.8	24.8	19.9	-7.6	9.3	10.8	2.3	2.0	-0.9	-4.1	3.8	0.3
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	245,109 (10.7)	31.3	38.2	32.8	6.7	16.5	12.6	4.6	4.8	4.1	9.1	12.2	136.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	133,875 (5.8)	11.6	19.4	15.3	18.0	14.2	15.6	2.5	2.2	-0.1	1.1	9.7	40.0
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	388,382 (16.9)	13.9	9.5	8.6	-	19.1	18.2	1.7	1.4	3.0	-2.4	0.2	53.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	254,412 (11.1)	6.3	17.5	14.6	11.7	22.1	21.7	3.4	2.8	0.9	4.7	11.2	9.9
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	239,740 (10.4)	12.7	19.2	14.0	-5.3	12.0	14.6	2.0	1.7	0.0	0.2	0.6	-6.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	932,871 (40.5)	0.0	11.0	9.4	14.3	19.8	19.2	2.0	1.6	1.0	-2.7	0.2	61.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	36,800	137,021 (5,955)	840,407 (36.5)	1.4	11.9	9.8	61.1	19.8	20.0	2.0	1.7	3.2	-0.4	7.6	50.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	2,589,091 (112.5)	0.0	11.7	11.1	18.8	21.6	18.5	2.2	1.8	-0.8	-0.8	-2.7	103.1
	MBB	MILITARY COMMERC	26,200	73,327 (3,187)	1,009,000 (43.8)	0.0	10.6	9.1	14.6	21.2	20.7	2.0	1.7	3.3	6.9	21.2	84.3
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	193,118 (8.4)	4.2	10.0	8.3	23.3	21.3	20.2	1.9	1.5	2.1	-1.2	7.7	44.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	1,077,991 (46.8)	14.0	26.0	17.7	26.5	8.8	11.0	1.8	1.6	1.2	0.3	4.7	78.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	184,409 (8.0)	0.0	8.3	7.0	37.5	23.0	21.4	1.7	1.4	0.6	-1.5	7.4	32.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	32,846 (1.4)	0.2	42.8	23.2	27.3	5.8	10.0	2.1	1.9	0.3	-1.5	13.4	53.5
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	77,741 (3.4)	21.0	25.9	23.0	15.2	8.4	9.0	2.1	2.0	0.3	-2.1	12.4	-9.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	29,495 (1.3)	14.2	17.9	14.1	9.1	9.7	11.7	1.5	1.4	-0.3	7.9	19.1	24.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	730,137 (31.7)	55.4	20.3	15.8	-3.2	14.3	16.2	-	-	1.0	-4.8	26.9	49.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	240,804 (10.5)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-1.3	2.9	42.5	80.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	261,641 (11.4)	52.4	21.3	-	-19.0	17.1	-	2.9	-	1.6	-0.9	22.9	41.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	322,191 (14.0)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	0.2	-5.8	51.8	124.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	327,525 (14.2)	42.1	18.4	17.3	4.0	33.9	34.5	5.7	5.4	0.0	-2.5	1.6	-16.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	33,820 (1.5)	36.9	21.8	18.9	7.3	23.2	23.6	4.5	4.2	-1.7	-0.8	11.3	-14.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	166,828 (7.2)	16.5	47.4	27.0	-51.9	12.9	17.9	6.2	5.0	-0.2	1.9	-3.0	22.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	154,808 (6.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.6	6.0	8.5	-21.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	63,221 (2.7)	11.0	153.3	23.5	-88.5	3.8	16.6	3.4	2.8	0.9	-1.7	2.0	-8.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	118,301 (5.1)	10.8	26.4	19.2	-57.0	8.6	11.5	2.0	1.9	1.2	3.3	14.8	33.6
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	57,800 (2.5)	38.4	15.8	9.5	65.7	6.5	9.9	1.2	1.1	3.1	8.6	0.8	-5.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	133,879 (5.8)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.9	4.9	0.1	171.1
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	17,224	10,411 (452)	143,527 (6.2)	37.7	10.2	15.4	-12.7	9.1	14.9	-	-	0.2	-1.3	12.2	26.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	29,158 (1.3)	3.6	14.2	12.6	-52.4	4.0	4.4	0.5	0.5	0.2	-0.3	16.5	-19.3
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	43,407 (1.9)	0.0	9.8	7.9	-4.5	13.4	15.2	1.2	1.2	-1.0	1.2	-0.7	17.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	96,494 (4.2)	46.1	18.1	16.8	-17.5	20.2	20.3	3.4	3.2	2.0	7.0	17.2	9.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	9,217 (0.4)	31.4	14.0	9.0	-10.5	10.5	16.3	-	-	-0.2	3.7	13.3	-13.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	5,728 (0.2)	34.1	10.0	10.1	-5.1	12.2	13.4	1.3	1.3	-1.8	3.8	5.3	1.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,642,144 (71.3)	18.0	8.6	8.0	21.9	38.9	28.5	2.6	2.0	1.0	-2.8	6.4	68.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	46,566 (2.0)	36.5	12.7	14.3	-0.5	9.3	7.8	1.1	1.0	-1.3	7.0	23.2	21.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	85,053 (3.7)	46.5	19.3	18.7	-4.5	9.3	9.0	1.7	-	-2.7	1.8	16.5	41.4
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	513,108 (22.3)	38.9	6.6	8.5	67.9	40.8	23.3	2.2	1.7	-0.9	-0.1	21.3	107.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	151,523 (6.6)	97.2	12.5	13.5	17.2	10.5	11.0	1.2	1.2	-2.0	13.0	27.5	35.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	251,524 (10.9)	4.6	21.6	17.9	-51.0	15.7	16.7	3.0	2.9	0.0	6.9	2.1	7.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	260,724 (11.3)	39.9	48.0	23.5	-11.9	1.5	3.3	0.7	0.7	2.6	6.2	22.3	47.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	127,154 (5.5)	35.9	9.9	9.3	1.2	13.6	13.4	1.3	1.2	0.2	-0.2	27.4	51.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	106,516 (4.6)	0.0	13.4	10.7	13.7	28.1	28.3	3.4	2.8	0.1	5.9	0.4	22.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	41,855 (1.8)	0.0	17.2	13.2	2.4	23.2	24.0	3.6	2.9	0.4	2.6	-3.2	21.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	2,135 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.7	-0.2	-2.1	-53.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	30,871 (1.3)	30.3	20.9	14.6	-75.2	8.5	11.8	1.8	1.6	-0.4	-0.4	8.1	-12.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	54,615 (2.4)	34.6	9.0	12.8	41.2	26.2	19.9	2.2	2.3	-1.4	1.4	11.5	-8.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,256 (0.1)	45.4	17.0	15.6	10.7	20.5	20.7	3.3	2.9	0.3	0.3	1.4	-7.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	253 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	9.1	6.3	9.8
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	231,167 (10.0)	0.0	19.4	15.9	15.6	25.6	26.4	4.3	3.7	-0.2	2.6	4.7	66.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu (dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)		
Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành (dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)		
Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.